



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 26 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương

Mã chứng khoán: BDG

Trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3755 143 **Fax:** 0274.3755 415

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Thanh Thủy

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Báo cáo riêng)
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26 tháng 03 năm 2025 tại đường dẫn <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước

LÊ THỊ THANH THỦY



CÔNG TY CP MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG

Số: 03/CBTT-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

- Mã chứng khoán: **BDG**
- Địa chỉ: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.3755 143 Fax: 0274.3755 415
- Email: thuy.ltt@protrade.com.vn
- Website: <http://www.protradegarment.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

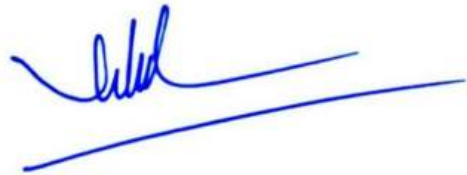
Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26/03/2025 tại đường dẫn: <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán (Báo cáo riêng)
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước.

Đại diện tổ chức
Người UQCBTT



LÊ THỊ THANH THỦY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 37
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Quân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng ban
Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Phan Thành Đức - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.



Phan Thành Đức

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025



Số: 250325.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		852.076.763.415	737.403.382.983
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	32.284.984.204	63.744.441.132
111	1. Tiền		32.284.984.204	63.744.441.132
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	265.402.054.405	166.744.272.248
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		265.402.054.405	166.744.272.248
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		274.149.039.603	222.180.675.951
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	264.878.083.754	210.899.208.203
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.384.047.450	4.528.277.117
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	6.886.908.399	6.753.190.631
140	IV. Hàng tồn kho	08	221.854.961.863	239.809.076.228
141	1. Hàng tồn kho		221.854.961.863	239.809.076.228
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		58.385.723.340	44.924.917.424
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.636.828.761	1.908.868.798
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		56.714.019.747	42.981.173.737
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	34.874.832	34.874.889
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		134.478.529.691	101.885.684.431
220	II. Tài sản cố định		30.233.553.048	22.644.406.559
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	29.377.543.229	21.390.856.903
222	- Nguyên giá		283.830.999.775	264.141.060.682
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(254.453.456.546)	(242.750.203.779)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	856.009.819	1.253.549.656
228	- Nguyên giá		9.154.003.711	9.154.003.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.297.993.892)	(7.900.454.055)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	118.363.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	118.363.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	102.293.547.258	78.387.940.941
251	1. Đầu tư vào công ty con		173.291.000.000	188.623.012.510
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(73.997.452.742)	(110.235.071.569)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.951.429.385	734.973.931
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.951.429.385	734.973.931
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		986.555.293.106	839.289.067.414



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		369.202.100.349	310.827.579.990
310	I. Nợ ngắn hạn		369.202.100.349	310.827.579.990
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	141.813.238.801	146.327.107.874
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	18.576.225.891	14.359.243.165
314	3. Phải trả người lao động		72.058.885.798	67.354.041.120
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	78.314.024	42.242.216
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.287.555.805	16.144.343.030
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	125.728.065.232	62.650.480.152
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.659.814.798	3.950.122.433
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		617.353.192.757	528.461.487.424
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	617.353.192.757	528.461.487.424
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		247.999.200.000	247.999.200.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		247.999.200.000	247.999.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		83.301.072.046	59.369.394.731
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		285.922.586.452	220.962.558.434
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		126.654.994.058	101.304.171.859
421b	LNST chưa phân phối năm nay		159.267.592.394	119.658.386.575
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		986.555.293.106	839.289.067.414

Lê Văn Đông
Người lập

Nguyễn Minh Thùy
Kế toán trưởng



Phan Thành Đức
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.821.373.413.251	1.565.802.348.007
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	4.856.209.191	5.877.210.206
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.816.517.204.060	1.559.925.137.801
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.580.437.432.638	1.326.634.803.379
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		236.079.771.422	233.290.334.422
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	55.684.848.919	43.247.683.668
22	7. Chi phí tài chính	23	(3.560.222.911)	39.643.574.567
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.404.411.392	2.907.300.548
25	8. Chi phí bán hàng	24	15.992.518.214	18.771.262.793
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	91.575.510.315	82.670.157.010
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		187.756.814.723	135.453.023.720
31	11. Thu nhập khác	26	13.610.736.002	17.810.172.147
32	12. Chi phí khác	27	175.671.056	1.296.706.929
40	13. Lợi nhuận khác		13.435.064.946	16.513.465.218
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		201.191.879.669	151.966.488.938
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	41.924.287.275	32.308.102.363
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>159.267.592.394</u>	<u>119.658.386.575</u>

Lê Văn Đông
Người lập

Nguyễn Minh Thùy
Kế toán trưởng



Phan Thành Đức
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		201.191.879.669	151.966.488.938
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.280.792.604	16.154.078.727
03	- Các khoản dự phòng		(36.237.618.827)	17.805.091.111
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		308.521.123	1.682.919.540
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.617.793.429)	(9.241.154.983)
06	- Chi phí lãi vay		3.404.411.392	2.907.300.548
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		171.330.192.532	181.274.723.881
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(66.621.380.949)	(33.224.775.692)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		17.954.114.365	19.674.146.212
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(13.877.504.432)	(3.723.586.551)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(944.415.417)	(79.691.118)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.368.339.584)	(2.918.159.176)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.704.294.284)	(61.348.137.628)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.666.394.696)	(14.863.775.524)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		63.101.977.535	84.790.744.404
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.751.576.093)	(6.036.597.822)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		13.636.364	441.978.587
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(197.867.782.157)	(119.329.980.549)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		96.210.000.000	72.180.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(37.291.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.556.989.116	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.020.319.657	5.310.407.555
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(94.818.413.113)	(84.724.692.229)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.516.256.726.495	1.208.019.830.671
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.454.087.613.159)	(1.224.064.634.894)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.993.806.450)	(74.394.997.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		175.306.886	(90.439.801.873)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(31.541.128.692)	(90.373.749.698)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		63.744.441.132	154.215.462.433
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		81.671.764	(97.271.603)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>32.284.984.204</u>	<u>63.744.441.132</u>

Lê Văn Đông
Người lập

Nguyễn Minh Thùy
Kế toán trưởng



Phan Thành Đức
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 247.999.200.000 đồng; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty đang hoàn tất các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi tăng vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.887 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1.848 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thất lưng);
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng 49,225 tỷ VND (tương đương 32,39%) so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Chi phí tài chính trong năm 2024 giảm 43,203 tỷ VND (tương đương 108,98%) so với năm trước, chủ yếu là khoản hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang, do công ty con này đã dần đi vào hoạt động ổn định nên kết quả kinh doanh trong năm 2024 có nhiều cải thiện so với các năm trước.

- Ngoài ra, ngành dệt may phục hồi nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại sau giai đoạn suy giảm, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản. Các hiệp định thương mại tự do giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, các đơn hàng tăng trở lại từ nửa cuối năm 2024, góp phần thúc đẩy tăng trưởng. Điều này ảnh hưởng tích cực tới hoạt động kinh doanh tại Công ty, cụ thể: doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 256,592 tỷ VND (tương đương 16,45%), giá vốn hàng bán tăng 253,803 tỷ VND (tương đương 19,13%) làm lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 2,7 tỷ VND (tương đương 1,2%) so với năm trước.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính chi phí phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất	20	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác là chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	144.596.842	3.838.775
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.140.387.362	63.740.602.357
	32.284.984.204	63.744.441.132

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	265.402.054.405	-	166.744.272.248	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	265.402.054.405	-	166.744.272.248	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	3.000.000.000	-	-	-
	268.402.054.405	-	166.744.272.248	-

(*) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,0%/năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 46.862.054.405 VND. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 16).

(**) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,1%/năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 3.000.000.000 VND. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 16).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	173.291.000.000	(73.997.452.742)	188.623.012.510	(110.235.071.569)
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry ⁽¹⁾	-	-	15.332.012.510	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	173.291.000.000	(73.997.452.742)	173.291.000.000	(110.235.071.569)
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân ⁽²⁾	-	-	-	-
	173.291.000.000	(73.997.452.742)	188.623.012.510	(110.235.071.569)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HDQT ngày 22/01/2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã thông qua thời gian đóng cửa Công ty Cổ phần Protrade Laundry trở nhất tại ngày 30/06/2022. Ngày 21/09/2024, Công ty Cổ phần Protrade Laundry nhận được Thông báo số 87728/24 ngày 13/09/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương về việc doanh nghiệp hoàn tất giải thể. Căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024 ngày 23/09/2024 về việc "Phân chia tài sản còn lại cho cổ đông sau giải thể", Công ty này cũng đã hoàn tất việc chi trả tài sản cho các cổ đông.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại 31/12/2024:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Tỉnh Bình Dương	76,08%	76,08%	Sản xuất, gia công hàng may mặc.
Đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân	TP. Hồ Chí Minh	13,19%	13,19%	Bán lẻ hàng hóa may mặc.



Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Rcrv Inc Dba Rock Revival	86.685.444.918	-	85.599.444.400	-
- Olymp Bezner KG Hopfighmer	39.118.367.575	-	31.952.656.057	-
- Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)	89.960.970.560	-	43.429.090.377	-
- Phải thu các khách hàng khác	49.113.300.701	-	49.918.017.369	-
	264.878.083.754	-	210.899.208.203	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Dương Minh Phát	782.720.380	-	-	-
- Foshan Seazon Textile and Garment Co., LTD	520.456.781	-	-	-
- Gerber Scientific International LTD	357.461.103	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tiến Phát Tài	239.346.380	-	-	-
- Công ty TNHH PCCC Thanh Tùng	-	-	3.660.371.640	-
- Trả trước cho người bán khác	484.062.806	-	867.905.477	-
	2.384.047.450	-	4.528.277.117	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	3.714.293.356	-	5.355.432.554	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.260.175.097	-	839.151.752	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	182.260.579	-	65.901.145	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	178.138.411	-	108.819.607	-
Tạm ứng	1.395.420.917	-	327.630.068	-
Phải thu khác	156.620.039	-	56.255.505	-
	6.886.908.399	-	6.753.190.631	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	7.107.890.989	-	21.306.197.277	-
Nguyên liệu, vật liệu	104.620.077.586	-	96.348.859.404	-
Công cụ, dụng cụ	1.313.046.577	-	699.316.639	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.632.230.219	-	107.102.220.550	-
Thành phẩm	6.181.716.492	-	14.352.482.358	-
	221.854.961.863	-	239.809.076.228	-

Trong đó, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 31/12/2024. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 16)

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	61.243.639.353	173.798.148.340			17.146.373.355		11.952.899.634		264.141.060.682	
- Mua trong năm	-	822.222.500			205.000.000		934.200.000		1.961.422.500	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	138.429.292	17.770.087.301			-		-		17.908.516.593	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-			(180.000.000)		-		(180.000.000)	
Số dư cuối năm	61.382.068.645	192.390.458.141			17.171.373.355		12.887.099.634		283.830.999.775	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	58.928.255.452	158.838.765.818			13.367.395.670		11.615.786.839		242.750.203.779	
- Khấu hao trong năm	1.738.190.027	8.927.801.890			986.670.202		230.590.648		11.883.252.767	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-			(180.000.000)		-		(180.000.000)	
Số dư cuối năm	60.666.445.479	167.766.567.708			14.174.065.872		11.846.377.487		254.453.456.546	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	2.315.383.901	14.959.382.522			3.778.977.685		337.112.795		21.390.856.903	
Tại ngày cuối năm	715.623.166	24.623.890.433			2.997.307.483		1.040.722.147		29.377.543.229	

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 106.175.565.685 VND.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	8.624.003.711	9.154.003.711
Số dư cuối năm	530.000.000	8.624.003.711	9.154.003.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	530.000.000	7.370.454.055	7.900.454.055
- Khấu hao trong năm	-	397.539.837	397.539.837
Số dư cuối năm	530.000.000	7.767.993.892	8.297.993.892
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	1.253.549.656	1.253.549.656
Tại ngày cuối năm	-	856.009.819	856.009.819

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.204.540.000 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.537.999.763	1.793.213.785
Phí bảo hiểm hàng nhập khẩu	2.741.189	1.942.240
Phí bảo hiểm cháy nổ	96.087.809	113.712.773
	1.636.828.761	1.908.868.798
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	56.098.867	734.973.931
Chi phí sửa chữa lớn	1.895.330.518	-
	1.951.429.385	734.973.931

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	26.507.526.178	26.507.526.178	22.512.656.176	22.512.656.176
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	26.507.526.178	26.507.526.178	22.512.656.176	22.512.656.176
Bên khác	115.305.712.623	115.305.712.623	123.814.451.698	123.814.451.698
- Công ty Cổ phần May thêu Phát Đạt	5.585.442.230	5.585.442.230	13.683.066.923	13.683.066.923
- Olymp Bezner KG Hopfighmer	13.816.528.486	13.816.528.486	3.231.829.494	3.231.829.494
- Công ty TNHH Dệt Tương Long	21.861.747.743	21.861.747.743	16.045.142.525	16.045.142.525
- Grandian Hong Kong Company Limited	7.318.393.844	7.318.393.844	9.286.206.074	9.286.206.074
- Công ty Cổ phần TCE Vina Denim (TCEVINA)	7.274.744.768	7.274.744.768	5.448.614.788	5.448.614.788
- Esquel Enterprises Limited	2.108.536.208	2.108.536.208	11.826.947.317	11.826.947.317
- Các đối tượng khác	57.340.319.344	57.340.319.344	64.292.644.577	64.292.644.577
	141.813.238.801	141.813.238.801	146.327.107.874	146.327.107.874

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.060.097.173	1.060.097.173	-	-	1.060.097.173	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.282.649.215	1.282.649.215	-	-	1.282.649.215	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	14.356.232.900	41.924.287.275	41.924.287.275	37.704.294.284	37.704.294.284	37.704.294.284	-	-	18.576.225.891	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	34.874.889	-	5.429.417.601	5.429.417.601	5.429.417.544	5.429.417.544	5.429.417.544	34.874.832	34.874.832	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.010.265	30.441.673	30.441.673	33.451.938	33.451.938	33.451.938	-	-	-	-	-
	34.874.889	14.359.243.165	49.726.892.937	49.726.892.937	45.509.910.154	45.509.910.154	45.509.910.154	34.874.832	34.874.832	18.576.225.891	18.576.225.891	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	78.314.024	42.242.216
	<u>78.314.024</u>	<u>42.242.216</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.836.798.996	824.232.721
Bảo hiểm xã hội	146.419.395	146.583.708
Bảo hiểm y tế	245.916.514	218.764.251
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.755.900	4.762.350
Phải trả Công ty Cổ phần Protrade Laundry tiền nhận giữ hộ	-	14.950.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.665.000	-
	<u>2.287.555.805</u>	<u>16.144.343.030</u>

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Protrade Laundry	-	14.950.000.000
	<u>-</u>	<u>14.950.000.000</u>

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**16 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	21.806.286.233	21.806.286.233	167.632.262.479	172.303.526.105	17.135.022.607	17.135.022.607
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	24.430.410.734	24.430.410.734	356.329.161.854	323.268.529.963	57.491.042.625	57.491.042.625
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	16.413.783.185	16.413.783.185	992.295.302.162	957.607.085.347	51.102.000.000	51.102.000.000
	62.650.480.152	62.650.480.152	1.516.256.726.495	1.453.179.141.415	125.728.065.232	125.728.065.232

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Ngân hàng	Loại tiền	Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm (*)	USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.4882147/2024-HĐCVHM/NHCT900-MMBD ngày 21/11/2024 kèm theo Phụ lục số 24.4882147/2024-HĐCVHM-SĐBS1/NHCT900-MMBD ngày 02/01/2025	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 02/01/2025 đến ngày 20/11/2025	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho luân chuyển và nguồn thu luân chuyển	670.620,43	17.135.022.607
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	USD	Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 057B24-MBD ngày 15/07/2024	3,4%/năm	Từ ngày 15/07/2024 đến ngày 14/07/2025	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	- Thẻ chấp hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; - Thẻ chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại/quyền đòi nợ từ các đối tác; - Thẻ chấp tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 28.534 triệu đồng.	2.250.050,59	57.491.042.625
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	USD	Hợp đồng tín dụng số 01/2024/4675359/HĐTD ngày 04/09/2024	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 04/09/2024 đến ngày 31/08/2025	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ, bảo lãnh, mở L/C	Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng	2.000.000,00	51.102.000.000
							4.920.671,02	125.728.065.232

(*) Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	247.999.200.000	130.334.259	-	248.926.185.360	497.055.719.619
Lãi trong năm trước	-	-	-	119.658.386.575	119.658.386.575
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	59.369.394.731	(59.369.394.731)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.873.878.946)	(11.873.878.946)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.978.979.824)	(1.978.979.824)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(74.399.760.000)	(74.399.760.000)
Số dư cuối năm trước	247.999.200.000	130.334.259	59.369.394.731	220.962.558.434	528.461.487.424
Số dư đầu năm nay	247.999.200.000	130.334.259	59.369.394.731	220.962.558.434	528.461.487.424
Lãi trong năm nay	-	-	-	159.267.592.394	159.267.592.394
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	23.931.677.315	(23.931.677.315)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.179.503.195)	(7.179.503.195)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.196.583.866)	(1.196.583.866)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(61.999.800.000)	(61.999.800.000)
Số dư cuối năm nay	247.999.200.000	130.334.259	83.301.072.046	285.922.586.452	617.353.192.757

769
NG T
PHÁ
Y M
DƯ
V-T.BV
C
C
27

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023	100,00	119.658.386.575		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00	23.931.677.315		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,00	7.179.503.195		
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00	1.196.583.866		
Chi trả cổ tức (tương ứng 25% vốn điều lệ)	51,81	61.999.800.000		
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2023	21,19	25.350.822.199		
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	47,71	118.314.180.000	47,71	118.314.180.000
Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,02	96.775.800.000	39,02	96.775.800.000
Cổ đông khác	13,27	32.909.220.000	13,27	32.909.220.000
	100	247.999.200.000	100	247.999.200.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Vốn góp đầu năm		247.999.200.000		247.999.200.000
- Vốn góp cuối năm		247.999.200.000		247.999.200.000
Cổ tức, lợi nhuận				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm		4.762.350		4.762.350
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		61.999.800.000		74.399.760.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		61.999.800.000		74.399.760.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		(61.993.806.450)		(74.399.760.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		(61.993.806.450)		(74.399.760.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm		10.755.900		4.762.350
d) Cổ phiếu			31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		24.799.920		24.799.920
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		24.799.920		24.799.920
- Cổ phiếu phổ thông		24.799.920		24.799.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		24.799.920		24.799.920
- Cổ phiếu phổ thông		24.799.920		24.799.920
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần				

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024 tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.435.000.000	2.335.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.165.250.000	9.950.000.000
Trên 5 năm	14.085.050.000	16.735.300.000
	<u>26.685.300.000</u>	<u>29.020.300.000</u>

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018 và phụ lục số 01 ngày 26/08/2024. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê tài sản hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.656.500.000	1.199.462.837
Trên 1 năm đến 5 năm	12.022.339.000	3.862.187.086
Trên 5 năm	17.734.331.000	1.145.093.858
	<u>32.413.170.000</u>	<u>6.206.743.781</u>

Công ty ký hợp đồng thuê chung cư số 22/HĐ-IMPCO ngày 28/12/2022 và phụ lục số 01 ký ngày 26/08/2024 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương tại Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.244.250.000	1.185.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	5.631.017.500	5.362.873.500
Trên 5 năm	8.774.776.000	10.287.170.000
	<u>15.650.043.500</u>	<u>16.835.043.500</u>

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	ĐVT	31/12/2024		01/01/2024	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
- Vải các loại	Yard	109.279,09	Bình thường	161.567,41	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại		31/12/2024	01/01/2024
	Đồng đô la Mỹ (USD)	987.800,68	1.802.988,85
	Đồng Euro (EUR)	3.795,00	-
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Doanh thu bán thành phẩm	1.759.185.815.948	1.472.411.321.844
	Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	59.836.311.984	92.034.707.175
	Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	2.351.285.319	1.356.318.988
		1.821.373.413.251	1.565.802.348.007
20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU			
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Giảm giá hàng bán	4.856.209.191	5.877.210.206
		4.856.209.191	5.877.210.206
21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN			
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Giá vốn thành phẩm đã bán	1.511.743.079.988	1.235.836.682.274
	Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	60.969.149.765	88.115.785.946
	Giá vốn nguyên liệu, phế liệu đã bán	7.725.202.885	2.682.335.159
		1.580.437.432.638	1.326.634.803.379
	Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	257.068.673.403	177.563.619.727
22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Lãi tiền gửi	9.379.180.459	8.801.679.482
	Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	41.795.862
	Lãi thanh lý các khoản đầu tư	224.976.606	-
	Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	46.080.691.854	34.404.208.324
		55.684.848.919	43.247.683.668
23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
	Lãi tiền vay	3.404.411.392	2.907.300.548
	Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	28.964.463.401	17.248.263.368
	Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm (Hoàn nhập) dự phòng/Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	308.521.123 (36.237.618.827)	1.682.919.540 17.805.091.111
		(3.560.222.911)	39.643.574.567

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.020.205.094	4.839.698.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.972.313.120	13.931.564.412
	15.992.518.214	18.771.262.793

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.001.789.964	662.610.045
Chi phí nhân công	70.817.084.104	68.736.030.616
Chi phí khấu hao tài sản cố định	908.919.090	990.108.331
Thuế, phí, và lệ phí	4.142.454.095	4.612.987.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.281.699.436	4.981.125.209
Chi phí khác bằng tiền	3.423.563.626	2.687.295.297
	91.575.510.315	82.670.157.010
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	262.056.216	108.603.057

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	13.636.364	439.475.501
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	41.709.525	20.744.270
Tiền bồi thường nhận được	10.517.430.144	14.015.550.004
Tiền khách hàng hỗ trợ	3.021.622.367	3.209.843.414
Thu nhập khác	16.337.602	124.558.958
	13.610.736.002	17.810.172.147
Trong đó: Thu nhập từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	7.226.707.762	9.633.348.107

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	77.420.282	1.052.591.068
Chi phí khác	98.250.774	244.115.861
	175.671.056	1.296.706.929

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	201.191.879.669	151.966.488.938
Các khoản điều chỉnh tăng	10.402.221.658	16.084.283.239
- Chi phí không hợp lệ	4.574.101.029	5.101.039.016
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	1.280.219.155
- Các khoản phạt	51.575.827	1.052.591.068
- Thù lao Hội đồng quản trị	5.776.544.802	8.650.434.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.008.527.451)	(7.449.816.470)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(802.639.618)	-
- Thù lao Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành tạm trích năm trước đã thực chi trong năm nay	(925.668.678)	-
- Hoàn nhập Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước do đã thực hiện trong năm	(1.280.219.155)	(7.449.816.470)
Thu nhập chịu thuế TNDN	208.585.573.876	160.600.955.707
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	41.717.114.775	32.120.191.141
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	207.172.500	187.911.222
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	14.356.232.900	43.396.268.165
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(37.704.294.284)	(61.348.137.628)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	18.576.225.891	14.356.232.900

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	869.765.752.497	745.780.132.923
Chi phí nhân công	350.868.346.403	314.919.293.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.280.792.604	16.154.078.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.713.853.666	338.128.997.220
Chi phí khác bằng tiền	7.962.968.535	7.619.927.699
	1.668.591.713.705	1.422.602.429.665

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	32.140.387.362	-	-	32.140.387.362
Phải thu khách hàng, phải thu khác	271.764.992.153	-	-	271.764.992.153
Các khoản cho vay	265.402.054.405	3.000.000.000	-	268.402.054.405
	569.307.433.920	3.000.000.000	-	572.307.433.920
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	63.740.602.357	-	-	63.740.602.357
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.652.398.834	-	-	217.652.398.834
Các khoản cho vay	166.744.272.248	-	-	166.744.272.248
	448.137.273.439	-	-	448.137.273.439

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	125.728.065.232	-	-	125.728.065.232
Phải trả người bán, phải trả khác	144.100.794.606	-	-	144.100.794.606
Chi phí phải trả	78.314.024	-	-	78.314.024
	269.907.173.862	-	-	269.907.173.862

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	62.650.480.152	-	-	62.650.480.152
Phải trả người bán, phải trả khác	162.471.450.904	-	-	162.471.450.904
Chi phí phải trả	42.242.216	-	-	42.242.216
	225.164.173.272	-	-	225.164.173.272

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.516.256.726.495	1.208.019.830.671
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.454.087.613.159	1.224.064.634.894

32 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 28/06/2024 thông qua kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2024 với mức không quá 3,5%/lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2024, Công ty thực hiện tạm trích và ghi nhận thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2024 vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

	Năm 2024
	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (không bao gồm thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2024):	165.044.137.196
Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2024 tạm tính (3,5%/lợi nhuận sau thuế):	5.776.544.802

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Protrade Laundry	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH YCH - Protrade	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Hưng Vương	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên Ban kiểm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – CN Quận 7	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Giám đốc
Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya (SBBS)	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Trưởng ban kiểm
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

100-000
NHÂN
C TY TNHH
KIỂM T
AASC
TR. HỒ

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Mua hàng hóa, vật tư	257.068.673.403	177.563.619.727
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	250.600.647.467	171.799.774.265
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	6.050.000.000	5.368.285.573
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	338.596.726	370.369.319
- Công ty TNHH YCH - Protrade	79.429.210	25.190.570
Chi phí quản lý doanh nghiệp	262.056.216	108.603.057
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	262.056.216	108.603.057
Thu bồi thường	7.226.707.762	9.633.348.107
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	7.226.707.762	9.633.348.107
Góp vốn	-	37.291.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	-	37.291.000.000
Chi trả cổ tức	47.728.545.000	64.526.994.000
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	29.578.545.000	35.494.254.000
- Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	18.150.000.000	29.032.740.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt		9.218.237.197	9.380.273.773
Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	771.394.000	1.211.179.000
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	578.546.000	908.385.000
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	385.697.000	605.590.000
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	385.697.000	605.590.000
Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị	2.359.606.129	2.095.727.310
	Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị	2.177.859.146	1.962.923.463
	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị	1.659.477.922	605.590.000
	Phó Tổng Giám đốc thường trực		
	<i>(Bổ nhiệm ngày 01/01/2024)</i>		
Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng ban kiểm soát	385.697.000	505.443.000
Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên Ban kiểm soát	308.558.000	505.443.000
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên Ban kiểm soát	205.705.000	-
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	-	112.321.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 25/03/2022)</i>		
Ông Nguyễn Mai Khánh	Thành viên Ban kiểm soát	-	262.082.000
Trình	<i>(Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)</i>		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Văn Đông
Người lập

Nguyễn Minh Thùy
Kế toán trưởng



Phan Thành Đức
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025



V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế
Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm
toán tăng 33% so với năm trước

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty đăng ký giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274.3755143 Fax: 0274.3755415
Email: thuy.ltt@protrade.com.vn
- Mã chứng khoán: **BDG**
- Căn cứ Thông tư 196/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

❖ Công ty giải trình về mức tăng lợi nhuận sau thuế so với năm trước như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	Tăng/(giảm)	
				Số tiền (đồng)	%
1	Lợi nhuận sau thuế	159,267,592,394	119,658,386,575	39,609,205,819	33%

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2024 tăng 39,6 tỷ VND (tương đương 33%) so với năm trước.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Ngành dệt may phục hồi nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại sau giai đoạn suy giảm, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản. Các hiệp định thương mại tự do giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, các đơn hàng tăng trở lại từ nửa cuối năm 2024, góp phần thúc đẩy tăng trưởng. Điều này ảnh hưởng tích cực tới hoạt động kinh doanh tại Công ty, cụ thể: Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 256,592 tỷ VND (tương đương 16,45%), giá vốn hàng bán tăng 253,803 tỷ VND (tương đương 19,13%). Trong đó, chi phí nhân công năm 2024 tăng so với năm trước do Công ty thực hiện điều chỉnh lương theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP, tăng chi phí bảo hiểm và tăng chi phí gia công wash làm lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 2,7 tỷ VND (tương đương 1,2%) so với năm trước.

- Chi phí tài chính trong năm 2024 giảm 43,2 tỷ VND (tương đương 108,98%) so với năm trước, chủ yếu là khoản hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang, do công ty con này đã dần đi vào hoạt động ổn định nên kết quả kinh doanh trong năm 2024 có nhiều cải thiện so với các năm trước.
- Trong năm 2024, đồng USD tăng giá, đã giúp Công ty có lợi từ lãi tỷ giá. So với năm trước, lãi chênh lệch tỷ giá tăng 11,6 tỷ (tương đương 34%) đóng góp quan trọng vào mức tăng trưởng lợi nhuận.

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận sau thuế như trên.
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

